

Số: 32/2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định chuẩn nghèo đa chiều
của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng
năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm
nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025".*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 124/TTr-LĐTĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Báo cáo số 282/BC-
LĐTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về các tiêu chí đo lường
nghèo đa chiều; chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình của
tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân
liên quan tham gia công tác giảm nghèo và an sinh xã hội.

Điều 2. Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025

1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Khu vực thành thị: 2.500.000 đồng/người/tháng.



b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

Các tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản áp dụng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

c) Dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và ngưỡng thiếu hụt quy định tại phụ lục kèm theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 02 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 02 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 02 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 02 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.500.000 đồng đến 3.750.000 đồng.

d) Chuẩn hộ nghèo, chuẩn hộ cận nghèo, chuẩn hộ có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác của tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn của tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách như hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo quốc gia.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2022.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Cơ quan thường trực chương trình giảm nghèo)

a) Triển khai, hướng dẫn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng, chính xác, đúng đối tượng.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định.

c) Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm của các huyện, thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan cân đối nguồn kinh phí thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 cho phù hợp.

3. Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Ban Dân tộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các chương trình, giải pháp để tổ chức thực hiện hiệu quả chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, vận động, giám sát quá trình tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Đài PT-TH ĐN, Báo Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, CTTĐT, KGVX (59 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng